

Yên Châu, ngày 25 tháng 5 năm 2026

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	99	Học sinh			
2.	Số học sinh cắt cơm	0	Học sinh			
3.	Số học sinh ăn sáng:	99	Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	= 693.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	99	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	= 2.277.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	0	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	= 0 đồng
8.	Tiền thu:	2.970.000	đồng	53.000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	2.970.000	đồng			
10.	Tiền thiếu:			0	đồng	

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	14,85	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	5,0	50.000	250.000	
3	Nước mắm	Lít	1,0	13.800	13.800	
4	Mỳ chính	Kg	1,0	55.000	55.000	

5	Bột canh	Kg	1,0	20.000	20.000	
6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	3,4	38.000	129.200	
8	Nước lau nhà	Lít	3,6	30.000	108.000	
9	Gas đun bếp	Kg	8,0	36.000	288.000	
10	Gạo nếp (Xôi sáng)	Kg	9,0	25.000	225.000	
11	Thịt Xay(ăn xôi+ Xào Bàu+ Canh Bí Xanh)	Kg	5,0	120.000	600.000	
20	Bí Xanh(canh)	Kg	5,0	10.000	50.000	
21	Dưa hấu	Kg	7,0	20.000	140.000	
22	Thịt lợn	Kg	7,0	120.000	840.000	
23	Đậu Phụ (Kho thịt)	Kg	7,5	20.000	150.000	
24	Bầu (xào thịt xay)	kg	8,1	10.000	81.000	
27	Hành lá	Kg	0,5	40.000	20.000	
					2.970.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Mươi

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Đỗ Thị Thanh Huyền



Đương Anh Tuấn

